

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-ST

Ngày: 29/5/2018

V/v: “*Tranh chấp về Đòi lại tài sản;*

Bồi thường thiệt hại từ tài sản;

Thanh toán lợi nhuận thu được từ tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thám

2. Ông Nguyễn Bảo Huy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2017 V/v “*Tranh chấp về đòi lại tài sản; Bồi thường thiệt hại từ tài sản; Thanh toán lợi nhuận từ tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 12/4/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm: 1966 và bà Trần Thị T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn G, xã Y, huyện S, tỉnh Bình Định. Ông H, bà T đều có mặt.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Cảnh Q, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Trần C, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn G, xã Y, huyện S, Bình Định. Có mặt.

* Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Thôn 3, xã X, thị xã A, Gia Lai. Vắng mặt.

2. Công ty cổ phần Thành Ngân. Địa chỉ công ty: số 32 Hai Bà Trưng, thành phố Q, tỉnh Bình Định (địa chỉ Chi nhánh: Cầu 16, xã Y, huyện S, Bình Định). Vắng mặt.

3. Công ty đường Bình Định. địa chỉ: KM 52, QL 19, xã G, huyện S, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

4. Công ty TNHH nguyên liệu giấy Hồng Hải. địa chỉ: Khu Công nghiệp I , thị xã M, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn H và bà Trần Thị T cùng trình bày như sau: Vào khoảng tháng 8/2013 vợ chồng tôi (ông H, bà T) có mua 01 chiếc xe tải hiệu Việt Trung, trọng tải 6,7 tấn; màu sơn: xanh; Biển kiểm soát: 77C-05439 số khung RR8TT82D4DHB00062 số máy YC4E 13520E11D2C00090 với giá tiền tổng cộng là 620.000.000đ giao cho con gái và con rể là Nguyễn Cảnh Q để tạo điều kiện cho vợ chồng con gái làm ăn, chứ không có làm hợp đồng hoặc thỏa thuận gì khác đối với việc bồi thường hay chia lợi nhuận thu được của chiếc xe nói trên. Đến tháng 10/2015 vợ chồng anh Q kinh cãi và nộp đơn ly hôn nên vợ chồng tôi có đòi lại chiếc xe nhưng anh Q không trả mà tự động điều khiển xe về nhà cha mẹ ruột để vận chuyển hàng hóa, chiếm giữ cả xe và tiền cước vận chuyển hàng hóa không đưa tiền cho con gái tôi cũng như cho gia đình tôi. Sau đó, vợ chồng tôi đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã A yêu cầu buộc anh Nguyễn Cảnh Q phải trả chiếc xe ô tô tải nói trên cho vợ chồng tôi, đồng thời bồi thường thiệt hại chiếc xe do anh Q chiếm giữ và thanh toán số tiền lợi nhuận từ việc anh Q vận chuyển hàng hóa thu lợi từ chiếc xe nói trên. Ngày 01/02/2018 vợ chồng tôi đã nhận lại chiếc xe tải nói trên nên không khởi kiện buộc anh Q trả chiếc xe nữa. Tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng tôi chỉ yêu cầu anh Q bồi thường thiệt hại của chiếc xe do anh Q chiếm giữ chiếc xe nói trên từ tháng 10/2015 cho đến ngày tôi nhận chiếc xe là ngày 01/02/2018 với số tiền là 250.000.000đ và thanh toán cho vợ chồng tôi số tiền 100.000.000đ tiền lợi nhuận thu được từ khi anh Q chiếm giữ chiếc xe nói trên, từ tháng 10/2015 cho đến ngày tôi nhận chiếc xe là ngày 01/02/2018. Tổng cộng hai khoản là 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Ngoài ra tôi không còn yêu cầu nào khác.

* Bà T, cũng có ý kiến, yêu cầu giống như chồng bà là ông H, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* Bị đơn anh Nguyễn Cảnh Q trình bày trong bản khai ngày 24/02/2017 và trong Biên bản hòa giải ngày 22/3/2017 cũng như trong Đơn xin xác nhận ngày 14/3/2018, Biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2018 và ngày 11/4/2018 như sau: Tôi (Nguyễn Cảnh Q) thừa nhận vào khoảng tháng 8/2013 ông H, bà T, (Trước đây là cha, mẹ vợ của tôi) có giao cho vợ chồng tôi chiếc xe tải hiệu Việt Trung, trọng tải 6,7 tấn; màu sơn xanh; biển kiểm soát 77C-05439 số khung RR8TT82D4DHB00062 số máy YC4E 13520E11D2C00090 để tạo điều kiện cho vợ chồng tôi làm ăn, sinh sống chứ tôi không có làm hợp đồng hoặc thỏa thuận gì với ông H, bà T đối với chiếc xe nói trên. Trong quá trình sử dụng chiếc xe, tôi tự liên hệ hàng hóa như Mía, Gỗ ...để chở từ thị xã A, Gia Lai đi Bình Định và cũng tự nhận tiền cước phí cũng như tự sửa chữa chiếc xe nếu xe hư hỏng và đưa tiền cho vợ tôi để trang trải cuộc sống gia đình, nuôi con. Trong thời gian tôi và con gái ông H, bà T chưa ly hôn thì vợ chồng tôi sinh sống với

nhau ở phía nhà ông H, bà T và có với nhau hai con chung. Việc lợi nhuận thu được từ chiếc xe không nhiều nên tôi đã đưa cho vợ tôi là con gái ông H để chi tiêu trong gia đình và dùng vào việc sửa chữa chiếc xe khi xe hư hỏng. Từ khi vợ tôi ly hôn tôi tháng 8/2016 tôi không điều khiển chiếc xe đó nữa, chiếc xe nói trên tôi để tại nhà cha mẹ tôi địa chỉ thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai và tôi đồng ý trả chiếc xe nói trên cho ông H, bà T nhưng ông, bà yêu cầu tôi mang xe xuống nhà ông, bà ở xã Y, Huyện S, tỉnh Bình Định giao cho ông, bà. Vì xe hết hạn đăng kiểm nên tôi không lưu hành xe như yêu cầu của ông, bà được thì ông H, bà T đã làm đơn gửi đến Công an huyện S, tỉnh Bình Định cho rằng tôi chiếm giữ trái phép tài sản và Công an đã làm việc, thông báo kết quả cho ông, bà không cấu thành tội phạm. Nay con gái ông H, bà T đã ly hôn với tôi nên ông, bà đòi lại chiếc xe nói trên, tôi đã trả lại cho ông H, bà T vào ngày 01/02/2018. Còn về yêu cầu bồi thường thiệt hại của chiếc xe là 250.000.000đ và thanh toán tiền lợi nhuận của chiếc xe 100.000.000đ, tôi không đồng ý. Tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Trần C trình bày: Tôi (Nguyễn Trần C) là con gái ruột con ông H bà T và là vợ của anh Q nhưng đã ly hôn với anh Q từ tháng 8 năm 2016. Trước đây khoảng tháng 8/2013 tôi và anh Q kết hôn thì cha mẹ tôi có mua giao cho tôi và anh Q chiếc xe tải hiệu Việt Trung, Biển kiểm soát 77C-05439 để làm ăn, trang trải cuộc sống gia đình. Khi giao xe cha mẹ tôi không có thỏa thuận gì cả và cũng không yêu cầu trả chi phí hay lợi nhuận thu được từ chiếc xe nói trên. Mọi chi phí cũng như lợi nhuận thu được từ chiếc xe nói trên anh Q giữ, thỉnh thoảng anh Q có đưa tiền cho tôi để trang trải cuộc sống gia đình. Đến khoảng tháng 10/2015 tôi và anh Q mâu thuẫn nên anh Q đưa xe về xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai và không đưa tiền cho tôi nữa. Nay cha, mẹ tôi khởi kiện, về chiếc xe nói trên anh Q đã trả cho cha mẹ tôi nên tôi không có ý kiến gì nữa. Còn về khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại của chiếc xe với số tiền 250.000.000đ và thanh toán tiền cước phí, lợi nhuận thu được từ chiếc xe với số tiền 100.000.000đ. Nếu cha mẹ tôi khởi kiện cả tôi và xác định tôi phải có nghĩa vụ cùng anh Q bồi thường thiệt hại và trả tiền lợi nhuận thu được từ chiếc xe nói trên thì tôi không đồng ý trả. Vì khi tôi và anh Q còn là vợ chồng cha mẹ tôi giao xe để cho vợ chồng tôi là ăn, trang trải cuộc sống gia đình chứ không có thỏa thuận gì về ăn chia lợi nhuận thu được từ chiếc xe nói trên nên tôi không có nghĩa vụ phải bồi thường hay thanh toán lợi nhuận gì cho cha mẹ tôi cả. Từ tháng 10/2015 tôi và anh Q mâu thuẫn, anh Q sử dụng xe nói trên và lợi nhuận thu được anh Q sử dụng một mình, không có đưa tiền cho tôi để trang trải cuộc sống gia đình. Vì thế, chiếc xe nói trên bị thiệt hại và tiền thu được từ tháng 10/2015 đến ngày 01/02/2018 thì anh Q có trách nhiệm trả cho cha mẹ tôi chứ tôi không liên quan gì cả. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến và đề nghị:

- Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa ông H, bà T rút yêu cầu khởi kiện “Đòi lại tài sản” nên đình chỉ giải quyết yêu cầu đó là phù hợp. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của chiếc xe với số tiền 250.000.000đ và thanh toán tiền cước phí, lợi nhuận thu được từ chiếc xe với số tiền 100.000.000đ, vì không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đối với án phí và chi phí thẩm định, định giá: Vì không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 17.500.000đ. Về chi phí thẩm định, định giá là 4.000.000đ nguyên đơn phải chịu. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Cảnh Q, hiện cư trú tại: Thôn An Điền Bắc 2, xã N, thị xã A, tỉnh Gia Lai được ông Nguyễn H, bà Trần Thị T (Trước đây là cha, mẹ vợ anh Q) ở huyện S, tỉnh Bình Định giao chiếc xe tải hiệu Việt Trung, Biển kiểm soát 77C-05439 để tạo điều kiện làm ăn. Đến nay xảy ra tranh chấp ông H, bà T khởi kiện anh Q tại Tòa án nhân dân thị xã A yêu cầu giải quyết buộc anh trả lại chiếc xe cũng như bồi thường thiệt hại của chiếc xe và thanh toán tiền lợi nhuận từ chiếc xe cho ông H, bà T. Theo quy định tại Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù bị đơn anh Q được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì thế theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông H, bà T xác định rút yêu cầu khởi kiện buộc anh Q trả lại chiếc xe tải hiệu Việt Trung, Biển kiểm soát 77C-05439, vì ông, bà đã nhận lại chiếc xe nói trên vào ngày 01/02/2018 nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu kiện **“Đòi lại tài sản”** của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở.

[3]. Về các yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn ông H bà T yêu cầu Tòa án buộc anh Q phải bồi thường thiệt hại chiếc xe và trả số tiền cước phí thu được từ chiếc xe nói trên mốc thời gian từ khi vợ chồng anh Q mâu thuẫn từ tháng 10/2015 cho đến khi ông bà nhận chiếc xe, ngày 01/02/2018, tổng số tiền

là 350.000.000đ. Trên cơ sở chứng cứ trong hồ sơ đã được thu thập và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xác định. Chiếc xe tải trọng 6,7 tấn; biển kiểm soát 77C-05439, hiệu Việt Trung, số khung RR8TT82D4DHB00062 số máy YC4E 13520E11D2C00090 do bà Trần Thị T đứng tên là tài sản của ông Nguyễn H, bà Trần Thị T. Vào khoảng 8/2013 anh Nguyễn Cảnh Q và chị Nguyễn Trần C (chị Chi là con gái ông H, bà T) kết hôn và cùng sống chung với nhau phía gia đình ông H, bà T tại xã Y, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định nên ông bà đã giao chiếc xe nói trên để tạo điều kiện cho vợ chồng con gái, con rể của ông bà làm ăn, nuôi con chứ không có thỏa thuận, hợp đồng để chia lợi nhuận gì với nhau. Trong quá trình sử dụng chiếc xe nói trên anh Q đã chở hàng hóa như Mía, Gõ... từ thị xã A, tỉnh Gia Lai đến nhập hàng tại các Nhà máy tại tỉnh Bình Định và anh Q tự liên hệ hàng hóa để chuyên chở cũng như nhận cước phí để chi phí, sửa chữa chiếc xe nói trên. Sau khi sửa chữa xe nếu thừa thì anh Q có đưa số tiền còn lại cho vợ là chị C để trang trải cuộc sống gia đình là sự thật. Mặc dù, ông H, bà T xác định chỉ khởi kiện anh Q với mốc thời gian là từ tháng 10/2015 (thời điểm ông cho rằng anh Q, chị C mâu thuẫn và anh Q đưa xe về thị xã A, Gia Lai) cho đến khi ông, bà nhận chiếc xe, ngày 01/02/2018 nhưng ông bà không có chứng cứ gì chứng minh thời gian này anh Q có thỏa thuận với ông, bà về việc sử dụng chiếc xe cũng như thỏa thuận về chia lợi nhuận thu được từ chiếc xe nói trên. Hơn nữa, trong thời gian này chị C đang sinh đứa con thứ hai, giữa anh Q và chị C vẫn là vợ chồng, chưa có quyết định ly hôn của Tòa án nên ông, bà cho rằng một mình anh Q chiếm giữ, sử dụng và thu lợi từ chiếc xe nói trên và khởi kiện buộc một mình anh Q phải bồi thường thiệt hại của chiếc xe và chia lợi nhuận thu được từ chiếc xe trong thời gian chị C và anh Q chưa ly hôn là không có cơ sở. Hơn nữa, qua xem xét các chứng cứ đã thu thập được thì xác định chiếc xe nói trên không còn hoạt động mà đứng yên từ tháng 6/2016, anh Q và chị C chính thức ly hôn từ ngày 24/8/2016 theo Bản án số 16/2016 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vì thế, sau thời gian ly hôn anh Q không còn sử dụng chiếc xe của ông H, bà T nữa nên anh Q không có thu tiền lợi nhuận từ chiếc xe nói trên nên không có nghĩa vụ thanh toán cho ông H, bà T như yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T. Việc hao mòn của chiếc xe nói trên theo Biên bản kiểm tra tình trạng kỹ thuật phương tiện của Giám định viên tư pháp, Sở Giao thông vận tải tỉnh Gia Lai đã giám định ngày 01/02/2018 xác định chiếc xe vẫn còn nguyên số khung, số máy, một số bộ phận mục, rỉ boong tróc sơn, tỷ lệ còn lại 53%. Chiếc xe nói trên không có sự thay đổi kết cấu của xe vẫn còn nguyên số khung, số máy như ban đầu. Việc hao mòn của chiếc xe nói trên là do thời gian, chứ không phải lỗi của anh Q nên anh Q không có nghĩa vụ phải bồi thường cho ông H, bà T. Vì thế, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[4]. Các đương sự tranh chấp về nghĩa vụ dân sự, khởi kiện các nghĩa vụ dân sự xảy ra sau ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nên được áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết là phù hợp theo quy định tại các Điều 274, Điều 275, Điều 276 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Đối chi phí xem xét tại chỗ, thẩm định và định giá tài sản: Nguyên đơn đã tạm ứng 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*), Tòa án đã thành lập Hội đồng định giá tài sản, xem xét tại chỗ, giám định và đã chi hết số tiền trên. Do nguyên đơn yêu cầu và không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ chi phí giám định và định giá tài sản là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*), nguyên đơn đã nộp đủ chi phí giám định và định giá tài sản.

[6] Đối với án phí: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đối với bị đơn có tổng số tiền là 350.000.000đ nhưng không được Tòa án chấp nhận. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 17.500.000đ (*Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, Điều 275, Điều 276 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn H, bà Trần Thị T về việc yêu cầu đối với bị đơn anh Nguyễn Cảnh Q, **“Bồi thường thiệt hại về tài sản”** số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) và **“Thanh toán lợi nhuận từ tài sản”** với số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn H, bà Trần Thị T, về việc **“Đòi lại tài sản”** là chiếc xe tải hiệu Việt Trung, Biển kiểm soát 77C-05439, trị giá 500.000.000đ.

- Về chi phí tố tụng: Buộc nguyên đơn ông Nguyễn H, bà Trần Thị T, phải chịu toàn bộ chi phí giám định và định giá tài sản là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*), ông H, bà T đã nộp đủ chi phí giám định và định giá tài sản.

- Về án phí: Buộc nguyên đơn ông Nguyễn H, bà Trần Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, tổng số tiền là 17.500.000đ (*Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 18.750.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000821 ngày 16/02/2017 của Chi

cục Thi hành án dân sự thị xã A. Trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn H, bà Trần Thị T số tiền 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) còn thừa. Bị đơn anh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/5/2018), các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Gia Lai;
- VKSND. thị xã A;
- Chi cục THADS. TX. A
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Án Văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn